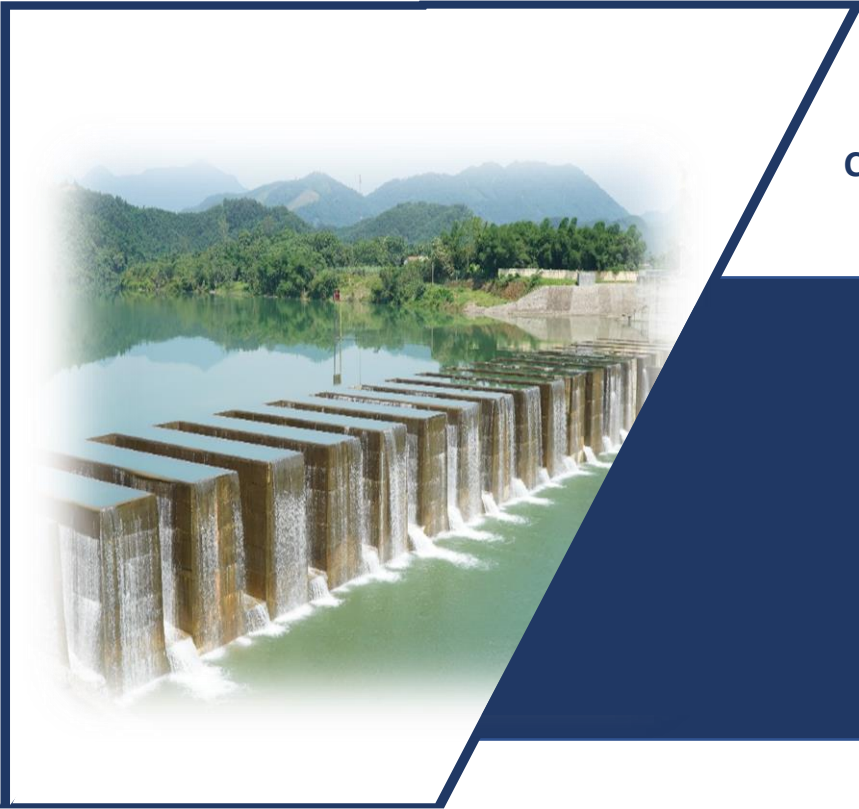




**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
XUÂN MINH**



TÀI LIỆU HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2022

DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP ĐHĐCĐ NĂM 2022**Ngày 26/4/2022**

Stt	Nội dung	Ghi chú
1	Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	<u>XM-01</u>
2	Giấy xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (kèm phiếu đăng ký thảo luận)	<u>XM-02</u>
3	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	<u>XM-03</u>
4	Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	<u>XM-04</u>
5	Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022	<u>XM-05</u>
6	Báo cáo của TGD về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022	<u>XM-06</u>
7	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2021	<u>XM-07</u>
8	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021	<u>XM-08</u>
9	Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2021	<u>XM-09</u>
10	Tờ trình thù lao HĐQT, BKS năm 2022	<u>XM-10</u>
11	Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	<u>XM-11</u>

GIẤY MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Kính gửi: Quý cổ đông:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- ❖ **Thời gian họp:** Bắt đầu từ **15 giờ 00 phút ngày 26 tháng 4 năm 2022**
- ❖ **Địa điểm:** Phòng họp Tầng 3, Khu nhà điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, Thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, Thanh hoá.
- ❖ **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông của Công ty chốt đến ngày 31/3/2022 có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (*theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời*).
- ❖ **Nội dung Đại hội:** Theo Chương trình Đại hội đính kèm Giấy mời.
- ❖ **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**
 - Để Đại hội được tổ chức chu đáo, đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất là trước **17h00 ngày 23/4/2022**, bằng cách gửi trực tiếp, chuyển phát nhanh hoặc fax theo số 0237.3555069.
 - Quý vị cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo Giấy mời họp, CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu (sao y công chứng trong vòng 06 tháng) và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền dự họp).
 - Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Phòng Tài chính - Tổ chức, địa chỉ: Tầng 19, toà nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Trịnh Nguyên Khánh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY XÁC NHẬN / ỦY QUYỀN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội - Công ty CP Thủy điện Xuân Minh

- Tên cổ đông:
- Địa chỉ:
- CMND/Giấy CNĐKDN số:.....Ngày cấp.....Nơi cấp:.....
- Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/3/2022 là: cổ phần.
(Bằng chữ:)

Tôi xác nhận rằng:

1. ☐ Đồng ý tham dự Đại hội

2. ☐ Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:

- Họ và tên người được ủy quyền:
- Địa chỉ:
- Giấy CMND/Hộ chiếu số: cấp ngày.....tại.....

3. Hoặc ủy quyền cho 1 trong các thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

- | | |
|---|------------|
| ☐ Ông Trịnh Nguyên Khánh | - Chủ tịch |
| ☐ Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy | - Ủy viên |
| ☐ Ông Phạm Văn Minh | - Ủy viên |
| ☐ Ông Lê Văn Thủy | - Ủy viên |
| ☐ Bà Nguyễn Thị Hà Ninh | - Ủy viên |

4. Nội dung ủy quyền:

- Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh, tổ chức vào ngày 26/4/2022 tại Thanh Hoá có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
- Người được ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và phải thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.

5. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:

- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

....., ngày.....tháng..... năm 2022

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG

(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH
T.Trần Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá
www.thuydienxuanminh.vn



PHIẾU ĐĂNG KÝ THẢO LUẬN

TAI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Ngày 26 tháng 4 năm 2022)

Nội dung câu hỏi/ ý kiến thảo luận:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp nội dung câu hỏi nằm ngoài Chương trình Đại hội, hoặc không đủ thời gian để Chủ tọa trả lời tất cả câu hỏi của Cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ trả lời Cổ đông thông qua: Gửi thư tay, email hoặc điện thoại.

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
(Ngày 26 tháng 4 năm 2022)

THỜI GIAN	NỘI DUNG	GHI CHÚ
15h00 – 15h20	- Đăng ký cổ đông dự họp, đón tiếp khách mời, phát tài liệu	
15h20 - 15h35	- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - Giới thiệu và thông qua Ban Chủ tọa, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu Đại hội - Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội;	
15h35 - 15h50	- Báo cáo của TGD về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022;	
15h50 - 16h05	- Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty; - Tờ trình về Phương án trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2022;	
16h05 - 16h20	- Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty; - Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán; - Tờ trình về Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty;	
16h20 - 16h45	- Đại hội tiến hành thảo luận	
16h45 - 17h00	- Biểu quyết thông qua các nội dung: + Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty; + Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty; + Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty; + Báo cáo tài chính năm 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022; + Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức và trích lập các quỹ năm 2021 + Phương án trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2022.	
17h00 - 17h10	- Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	
17h10 - 17h20	- Bế mạc Đại hội	

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN XUÂN MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC


PHẠM QUANG MINH

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Căn cứ:

- ❖ Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành;
- ❖ Căn cứ Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục tiêu của Quy chế:

- ❖ Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- ❖ Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không để chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải dời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi Mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu và ủy quyền*) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

2. Cách biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến hoặc có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết thông qua một vấn đề được Đại Hội đồng đưa ra, các cổ đông đồng ý thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông đồng ý trên Thẻ biểu quyết.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông không đồng ý, có ý kiến khác sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- ❖ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.
- ❖ Các Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và số cổ phần từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức Công ty;
 - f. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- ❖ Các Nghị quyết về nội dung còn lại được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

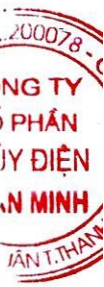
Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc giơ cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông giơ Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:



- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 5.** Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

- 6.** Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.



T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH HĐQT

Trịnh Nguyên Khánh



Số: 01 /2022/XUANMINH

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021 VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2022 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Nhân sự Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT
01/01/2021-20/4/2021			
1	Ông Phạm Bảo Long	CT HĐQT	Miễn nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
2	Ông Đỗ Vương Cường	TV HĐQT	Miễn nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
3	Bà Nghiêm Quỳnh Chi	TV HĐQT	Miễn nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT	
Từ 20/4/2021			
1	Ông Trịnh Nguyên Khánh	CT HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT	
3	Ông Phạm Văn Minh	TV HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
4	Ông Lê Văn Thuỷ	TV HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021
5	Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	TV HĐQT	Bổ nhiệm kể từ ngày 20/4/2021

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT hoạt động theo chế độ tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Mọi hoạt động của HĐQT luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của cổ đông. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua và ban hành các Nghị quyết, Quyết định để chỉ đạo, giám sát, điều hành tất cả các mặt hoạt động của Công ty, cụ thể:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	04/01/2021	Phê duyệt chủ trương thực hiện công tác bổ sung gia cố thượng lưu và đập gia tải đập phụ, công trình thủy điện Xuân Minh
2	02/NQ/2021/XM-HĐQT	26/01/2021	Họp định kỳ HĐQT
3	03/2021/NQ-HĐQT	03/03/2021	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
4	04/2021/NQ-HĐQT	28/03/2021	Phê duyệt chốt danh sách cổ đông và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
5	05/2021/NQ-HĐQT	20/04/2021	Bầu chủ tịch HĐQT

6	06/2021/NQ-HĐQT	23/04/2021	Phê duyệt phương án vay ngắn hạn năm 2021
7	07/2021/NQ-HĐQT	04/06/2021	Chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2020
8	08/2021/NQ-HĐQT	03/08/2021	Phê duyệt kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021
9	09/2021/NQ-HĐQT	28/10/2021	Phê duyệt kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2021
10	01A/2021/QĐ-HĐQT	05/01/2021	Phê duyệt chủ trương bổ sung gia cố thượng lưu và đắp gia tải đập phụ công trình thủy điện Xuân Minh
11	01/2021/QĐ-HĐQT	11/01/2021	Chi thưởng hoàn thành vượt kế hoạch tháng 12 năm 2020
12	02/2021/QĐ-HĐQT	01/02/2021	Chi thưởng cho tập thể Công ty CP Thủy điện Xuân Minh năm 2020
13	03/2021/QĐ-HĐQT	01/02/2021	Chi bổ sung lương với cán bộ, công nhân viên nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021
14	04/2021/QĐ-HĐQT	15/03/2021	Phê duyệt thành lập ban tổ chức và phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
15	04A/2021/QĐ-HĐQT	26/04/2021	Chi bổ sung lương với CBCNV nhân dịp 30/04 và 01/05
16	04B/2021/QĐ-KTĐT	26/04/2021	Thành lập Hội đồng giám sát nghiệm thu quá trình thực hiện công tác Bổ sung gia cố thượng lưu và Đắp gia tải đập phụ
17	05/2021/QĐ-HĐQT	12/05/2021	Phê duyệt chủ trương triển khai thực hiện quan trắc chuyển vị chu kỳ 4 và Kiểm định an toàn đập
18	06/2021/QĐ-HĐQT	09/06/2021	Phê duyệt kế hoạch thực hiện công tác tiểu tu 02 tổ máy
19	07/2021/QĐ-HĐQT	15/06/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2021
20	08/2021/QĐ-HĐQT	15/06/2021	Vay vốn lưu động tại Vietcombank chi nhánh Hà Thành
21	09/2021/QĐ-HĐQT	07/07/2021	Chi thưởng hoàn thành kế hoạch SXKD 06 tháng đầu năm 2021
22	09A/2021/QĐ-HĐQT	20/07/2021	Phê duyệt bổ sung nhân sự quản lý điều hành nhà máy thủy điện Xuân Minh
23	10/2021/Đ-HĐQT	13/12/2021	Chi lương bổ sung nhân dịp Tết Dương lịch 2022
24	11/2021/QĐ-HĐQT	13/12/2021	Chi thưởng tập thể nhân dịp Tết Dương lịch 2022

3. Công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021 là năm thứ 04 nhà máy thủy điện Xuân Minh vận hành phát điện thương mại. Mặc dù tình hình thủy văn diễn biến phức tạp qua các năm, nhưng hoạt động phát điện tương đối hiệu quả so với lưu lượng thực tế, máy móc thiết bị vận hành an toàn, ổn định.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đặt ra và giữ ổn định, kiểm soát dòng tiền một cách hiệu quả. Các dấu ấn trong năm 2021 có thể kể đến:

- Sản lượng phát điện đạt **61,88** triệu kWh (90% kế hoạch năm), tăng 1,25 lần so với năm 2020; Sản lượng phát cao điểm mùa khô năm 2021 đạt 14,6 triệu kwh, tăng 203.000 kWh (tương đương 1,41%) so với năm 2020. Các giải pháp phát điện giờ cao điểm phát huy hiệu quả, dẫn tới doanh thu phát điện đạt cao so với lưu lượng thực tế.

- Bộ máy quản lý được cơ cấu tinh gọn, đảm bảo cân bằng nguồn lực sản xuất: tỷ lệ lao động gián tiếp và trực tiếp tương ứng 3-15 tại 31/12/21. Chi phí quản lý giảm 926 triệu (5-7%) so với năm 2020. Thù lao HĐQT, BSK giảm 970 triệu. Hiệu suất công việc và năng lực quản lý được nâng cao khi

áp dụng mô hình kiêm nhiệm tại các đơn vị khác trong cùng hệ thống VCP: Các chức danh kiêm nhiệm: Tổng giám đốc- 3 đơn vị, Kế toán trưởng-2 đơn vị, trưởng phòng KTKT-2 đơn vị.

- Kiểm soát công việc được chuẩn hoá dựa trên hệ thống, quy trình; Đẩy mạnh cải cách, hiện đại hóa công tác thông tin, báo cáo, dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý tiên tiến.

3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	TH 2020	KH 2021	TH 2021	%TH-KH
Doanh thu	65.751	77.318	73.333	95%
Chi phí	57.544	57.511	57.914	101%
Lợi nhuận trước thuế	8.207	19.807	15.419	78%
Lợi nhuận sau thuế	8.207	19.807	15.419	78%

3.2 Quy mô vốn tại 31/12/2021

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2021	31/12/2021	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	20.462	14.997	3%
Tài sản dài hạn	tr.đ	449.153	431.854	97%
Tổng tài sản	tr.đ	469.615	446.851	100%
Nợ ngắn hạn	tr.đ	73.771	33.563	12%
Nợ dài hạn	tr.đ	237.551	247.869	88%
Tổng nợ phải trả	tr.đ	311.322	281.432	100%
Vốn góp CSH	tr.đ	150.000	150.000	91%
LN chưa phân phối	tr.đ	8.293	15.419	9%
Tổng vốn CSH	tr.đ	158.293	165.419	100%

4. Đánh giá về hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành và tập thể CVCNV đã nỗ lực triển khai hoạt động SXKD, quản lý, vận hành hiệu quả dự án, thường xuyên đưa ra những đề xuất, giải pháp kịp thời, phù hợp tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận cho công ty.

Ban điều hành là một tập thể đoàn kết, nghiêm túc trong công việc, chủ động, sáng tạo trong quản lý điều hành.

Ban điều hành tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Qua việc nhận định và dự báo về tình hình kinh tế, xã hội, nắm bắt các số liệu, diễn biến của tình hình thủy văn, cũng như trách nhiệm trước cổ đông, Hội đồng quản trị xác định một số mục tiêu trọng tâm của công tác quản trị điều hành trong năm 2022 như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Năm 2022, tiếp tục chỉ đạo tập trung vận hành hiệu quả, an toàn nhà máy thủy điện Xuân Minh, tăng cường năng lực quản trị, điều chỉnh lại một số chiến lược và giải pháp chỉ đạo công tác SXKD, phấn đấu hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	+/-	TỶ LỆ
1	Sản lượng	kwh	61.877.529	62.201.619	324.090	0,5%
2	Doanh thu	tr.đ	73.333	72.744	(589)	-0,8%
3	Chi phí	tr.đ	57.914	58.119	205	0,4%
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	15.419	14.625	(794)	-5,1%
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	15.419	13.894	(1.525)	-9,9%
6	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	10	9-10		

2. Nhiệm vụ trọng tâm khác

Tăng cường năng lực quản trị, đề ra chiến lược, giải pháp toàn diện để nâng cao năng lực sản xuất.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, làm cơ sở pháp lý cho Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, củng cố, sắp xếp mô hình quản lý phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trịnh Nguyên Khánh

Số: 01 BC/2022/XM

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Ban điều hành Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2022 như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường và tình hình thủy văn 6 tháng cuối năm không thuận lợi. Với tầm nhìn chiến lược, tư duy nhạy bén của đội ngũ lãnh đạo, cùng sự nỗ lực, đồng lòng của tập thể CBCNV, các chỉ tiêu đạt được trong năm 2021 có thể coi là minh chứng cho thấy khả năng vượt qua bất ổn và tiềm năng tăng trưởng của một đơn vị thành viên VCP nói riêng và mạng năng lượng của VCP holdings nói chung.

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. CÔNG TÁC VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN

1. Các giải pháp cải tiến vận hành và kết quả đạt được

Các giải pháp:

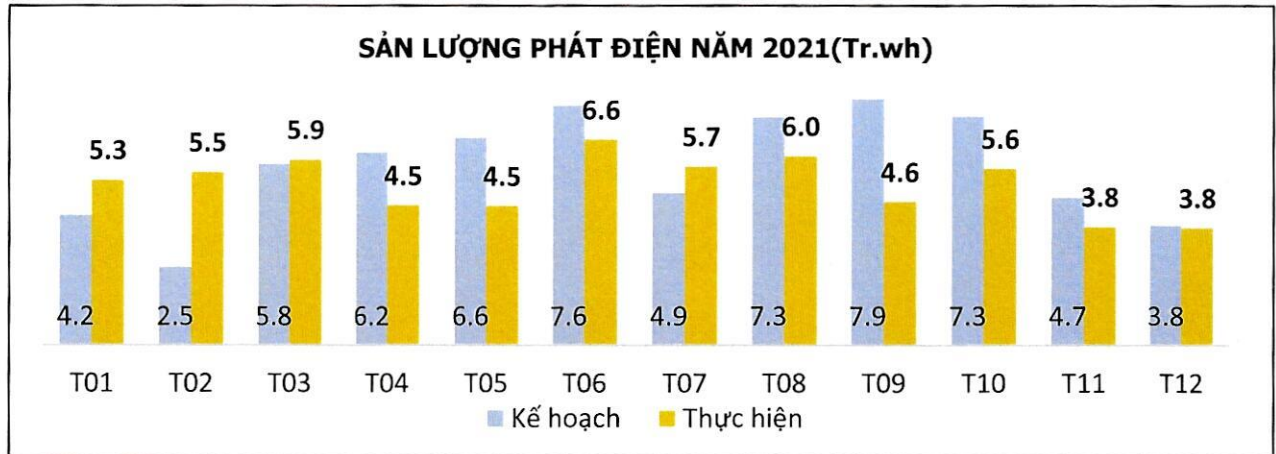
- Ban hành và tuân thủ quy trình chạy máy giờ cao điểm, hiệu lực từ tháng 8/2021: Chuẩn hoá nguyên tắc và trình tự vận hành tổ máy từng khung giờ, từng mùa; Quy định vận hành tối đa công suất giờ cao điểm vào mùa khô;
- Điều chỉnh đi ca: 3 ca 5 kíp, bố trí 01 ca hành chính đảm bảo hiệu suất công việc, tính liên tục báo cáo và sửa chữa nhỏ;
- Lắp đặt thiết bị theo dõi thị trường điện, phát điện của hệ thống (Cửa Đạt - Xuân Minh - Bái Thượng); Duy trì kênh trao đổi 2 chiều trong hệ thống (Cửa Đạt - Xuân Minh - Bái Thượng) định kỳ theo ngày để chủ động tích nước phát điện vào các khung giờ;
- Tái thiết lập và cải tiến các quy định về sử dụng chung các thiết bị và không gian làm việc theo nguyên tắc: sức khỏe, an toàn, linh hoạt, năng suất;
- Áp dụng các công cụ quản lý hiện đại: ISO, 5S, Base nâng cao hiệu suất công việc; Tích hợp các giải pháp công nghệ hỗ trợ hoạt động quản lý vận hành từ xa phù hợp với mô hình quản lý hiện tại.

Kết quả đạt được

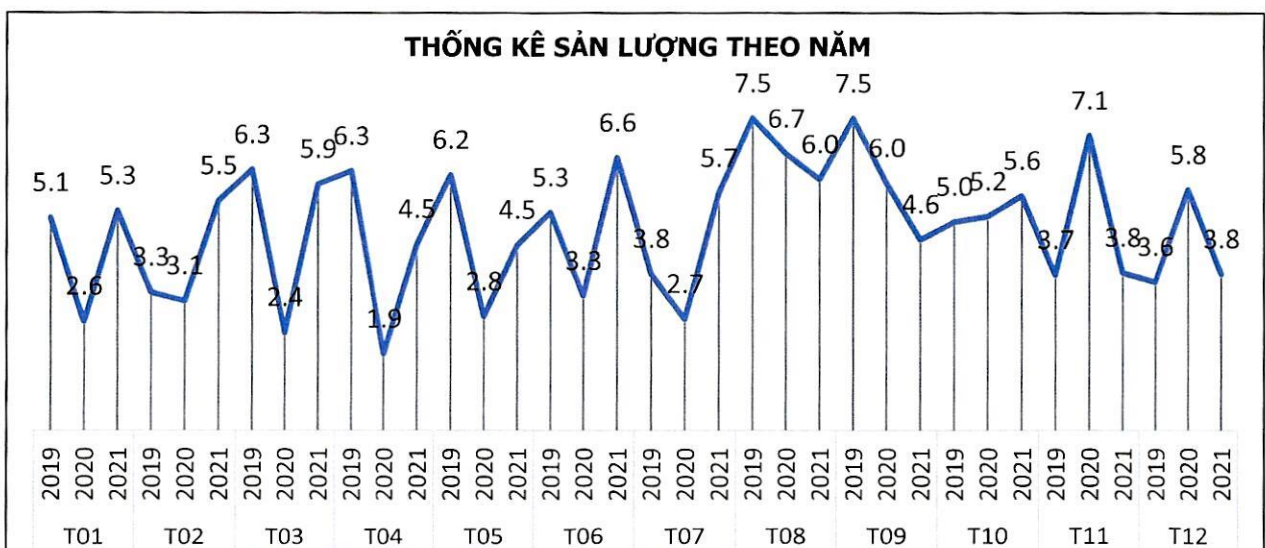
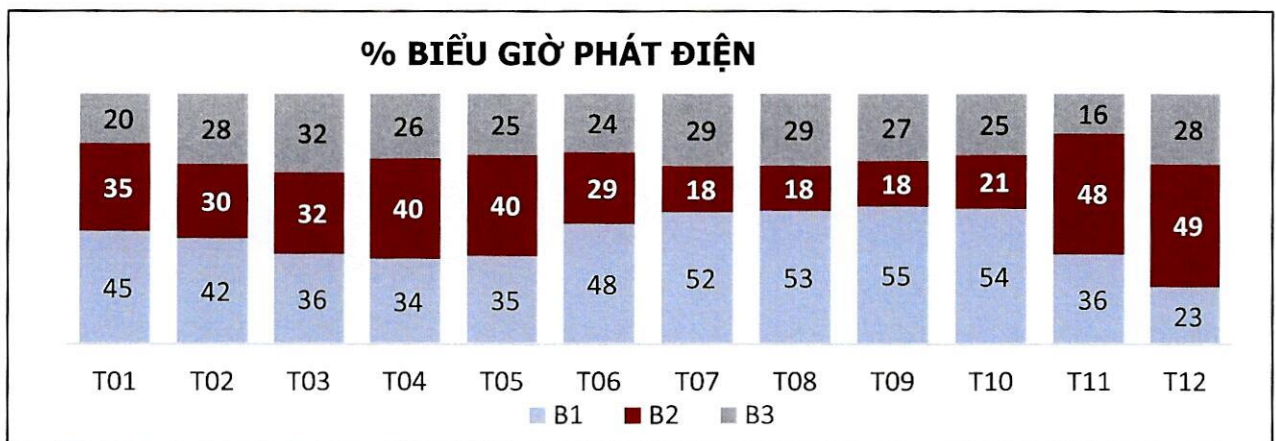
- ✓ Sự cố máy móc: Không xảy ra
- ✓ Số giờ dừng máy khắc phục sự cố: 0 giờ
- ✓ Sản lượng phát điện cả năm 2021: đạt 61.877.529 kWh
- ✓ Sản lượng phát điện giờ cao điểm mùa khô : đạt 14,61 tr.kWh
- ✓ Tai nạn lao động, cháy nổ: Không xảy ra
- ✓ Vi phạm các quy định nhà nước: Không xảy ra

2. Sản lượng phát điện

- Kết thúc năm 2021, sản lượng phát điện của Nhà máy đạt **61,88 tr.kwh** tương đương 90% kế hoạch, tăng gấp 1,25 lần so với năm 2020 (49,39 tr.kWh).



Mặc dù lưu lượng nước về hồ thấp, nhưng công tác vận hành phát điện khá hiệu quả do đã tính toán, áp dụng tốt hơn quy trình phát điện giờ cao điểm. Sản lượng phát cao điểm mùa khô năm 2021 đạt 14,6 triệu kwh, tăng 203.000 kWh (tương đương 1,41%) so với năm 2020.



II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Kết quả kinh doanh

a. So sánh kế hoạch và thực hiện năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH NĂM 2021

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH 2021	+/-	Tỷ lệ TH/KH
I	Sản lượng	kwh	68.745.455	61.877.529	(6.867.926)	90%
II	Doanh thu	tr.đ	78.182	73.333	(4.849)	94%
III	Chi phí	tr.đ	57.511	57.914	403	101%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	27.758	27.516	(242)	99%
2	Chi phí quản lý	tr.đ	4.896	4.212	(684)	86%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	24.857	26.186	1.329	105%
IV	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	20.671	15.419	(5.252)	75%
V	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	20.671	15.419	(5.252)	75%
VI	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	10-15	10		

Chỉ tiêu doanh thu: Thực hiện đạt 94% kế hoạch, nguyên nhân:

- Lưu lượng nước về hồ thực tế thấp, sản lượng phát điện chỉ đạt 90% kế hoạch.
- Các giải pháp phát điện giờ cao điểm phát huy hiệu quả, dẫn tới doanh thu phát điện đạt cao so với lưu lượng thực tế.

Chỉ tiêu chi phí: Thực hiện tăng 403 triệu (1%) so với kế hoạch, ảnh hưởng bởi tỉ trọng các chỉ tiêu chi phí, cụ thể:

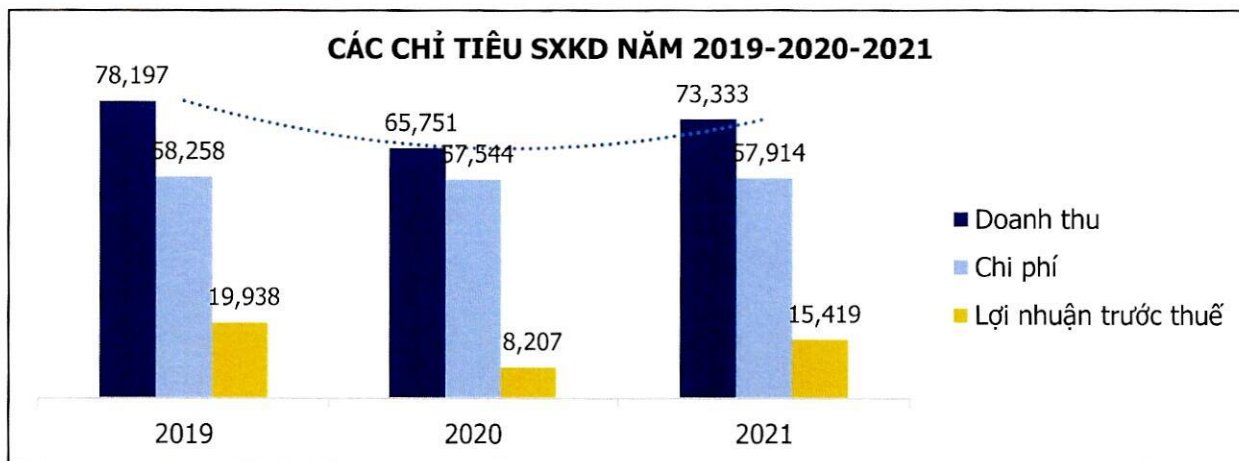
- Chi phí sản xuất, chi phí quản lý: giảm 926 triệu (5-7%), chủ yếu giảm chi phí lương do cơ cấu lại bộ máy hoạt động.
- Chi phí tài chính: Tăng 1,3 tỷ (5%) lãi vay do vay bổ sung 18,2 tỷ vốn lưu động thanh toán dứt điểm công nợ và cổ tức tồn đọng các năm.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Đạt 75% kế hoạch, nguyên nhân:

- Tăng/giảm tỷ trọng của doanh thu, chi phí trong kỳ, dẫn tới lợi nhuận trước thuế giảm 5,25 tỷ so với kế hoạch;
- Hoạt động SXKD năm 2021 là năm cuối cùng miễn thuế TNDN (2018-2021), nên chưa phát sinh thuế TNDN.
- Đạt tỷ lệ chia cổ tức 10%.

(Kết quả SXKD năm 2021 được chi tiết tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán).

b. So sánh hiệu quả SXKD các năm



Tăng trưởng doanh thu và ổn định chi phí giúp **lợi nhuận** trước thuế năm 2021 đạt **15,419** tỷ đồng (đạt 78% so với kế hoạch đầu năm, tăng 7,5 tỷ so với năm 2020. Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến đạt 10% trong năm 2021.

Sản lượng phát điện đạt **61,88** triệu kWh (90% kế hoạch năm), tăng 1,25 lần (tương ứng 12,49 triệu kWh) so với năm 2020.

Tổng doanh thu đạt **73,33** tỷ (94% kế hoạch năm), tăng 7,5 tỷ so với năm 2020. Trong đó, tỷ trọng 99,8% nằm ở doanh thu phát điện (tương ứng 72,64 tỷ).

Chi phí phát sinh 57,91 tỷ, 101% kế hoạch năm), không biến động nhiều so với năm 2020.

• Nguyên nhân khách quan: Thủy văn năm 2021 tương đối khả quan so với 2020. Lưu lượng nước về hồ bình quân tháng đạt 95,2m³/s, gấp 1,25 lần so với năm 2020 (tuy nhiên vẫn thấp hơn kế hoạch dự kiến đầu năm 8,4m³/s (KH 103,6m³/s).

• Nguyên nhân chủ quan: Việc áp dụng hệ thống kiểm soát công việc theo quy trình đã bước đầu phát huy hiệu quả: Phát điện theo bộ quy trình vận hành ban hành trong hệ thống VCP, hướng tới chuẩn hoá thao tác vận hành; Sửa chữa máy móc thiết bị tuân thủ quy trình mua sắm, quy trình bảo trì máy móc;...

• Phát sinh một số hạng mục: gia cố thượng lưu, lắp đặt thiết bị quan trắc nhằm đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

2. Quy mô vốn tại 31/12/2021

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2021	31/12/2021	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	20.462	14.997	3%
Tài sản dài hạn	tr.đ	449.153	431.854	97%
Tổng tài sản	tr.đ	469.615	446.851	100%
Nợ ngắn hạn	tr.đ	73.771	33.563	12%
Nợ dài hạn	tr.đ	237.551	247.869	88%
Tổng nợ phải trả	tr.đ	311.322	281.432	100%
Vốn góp CSH	tr.đ	150.000	150.000	91%
LN chưa phân phối	tr.đ	8.293	15.419	9%
Tổng vốn CSH	tr.đ	158.293	165.419	100%

Các giải pháp ổn định tài chính:

Tăng tỷ trọng vay trung và dài hạn, giảm tỷ trọng vay ngắn hạn. Huy động vốn cá nhân ngắn hạn dịch chuyển sang dài hạn, giá trị ước tính khoảng 30 tỷ đồng;

Thanh toán dứt điểm công nợ tồn đọng trong cùng hệ thống VCP, đề cao giải pháp tự chủ tài chính;

Cơ cấu lại các khoản vay, tiếp cận linh hoạt các nguồn lãi suất ưu đãi, hấp dẫn với mục tiêu tối thiểu hoá chi phí sử dụng vốn;

Lập dự báo thu-chi theo tháng để chủ động đưa ra các quyết định tài trợ ngắn hạn khi dư tiền.

Kết quả đạt được:

✓ Tại 31/12/2021, tình trạng mất cân đối tài chính được cải thiện triệt để. Tỷ trọng tài sản dài hạn/nợ dài hạn giảm từ 1,89 lần xuống 1,74 lần

✓ Dòng tiền duy trì hoạt động có tính thanh khoản cao, khả năng thanh toán được cải thiện đáng kể. Công nợ tồn đọng từ các năm cũ đã được thanh toán dứt điểm với giá trị ~12 tỷ đồng.

✓ Bên cạnh đó, các nguồn vay mới với lãi suất ưu đãi, hấp dẫn cũng đã được tiếp cận một cách linh hoạt. Có thể kể đến, việc giảm dần tỷ trọng vay cá nhân với mức lãi suất 9% bằng nguồn vay ngắn hạn VCB-CN Hà Thành mức lãi suất ≤7.5% là một trong những công cụ hiệu quả tiết giảm chi phí tài chính.

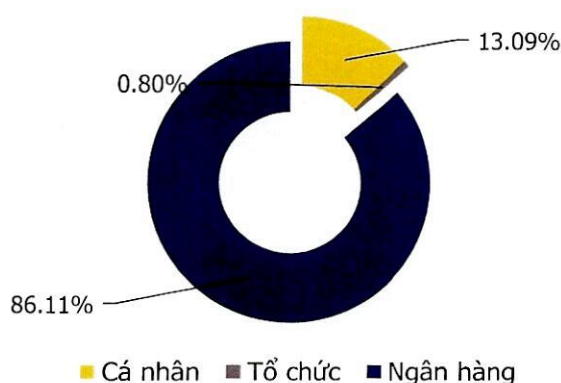
3. Vay và trả nợ vay tại 31/12/2021

ĐVT: tr.đ

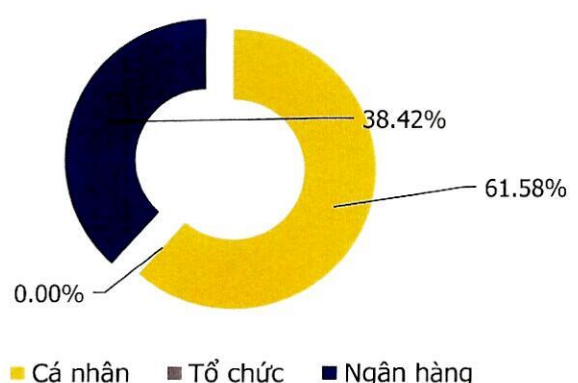
Đơn vị	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn đến hạn trả	Cộng
Cá nhân	32.440	4.215	-	36.655
Tổ chức	1.980	-	-	1.980
Ngân hàng	213.449	2.630	24.333	240.412
Cộng	247.869	6.845	24.333	279.047

Trong năm 2021, trả nợ vay bình quân đạt 3,7 tỷ đồng, trong đó: trả gốc vay SHB đến hạn 24,2 tỷ, vay bổ sung cá nhân 9,6 tỷ đồng (mục đích thanh toán dứt điểm công nợ cho VCP P&C. Tại **31/12/2021**, dư nợ vay đạt **279,04 tỷ đồng, giảm 9,1 tỷ đồng** so với đầu năm.

Vay dài hạn tại 31/12/2021



Vay ngắn hạn tại 31/12/2021



III. CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Các giải pháp cải thiện chất lượng nhân sự:

Sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, đảm bảo cân bằng nguồn lực sản xuất: Giảm tỷ trọng lao động gián tiếp, tăng tỷ trọng lao động trực tiếp;

Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa công tác thông tin, báo cáo dựa trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin mang lại nhiều lợi ích thiết thực;

Nâng cao năng lực điều hành của cán bộ quản lý thông qua tiêu chuẩn hóa trách nhiệm và nhiệm vụ; Nâng cao hiệu suất công việc bằng mô hình kiêm nhiệm tại các đơn vị khác trong cùng hệ thống VCP;

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bằng các chương trình đào tạo trên nhiều lĩnh vực: kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc;...

Kết quả đạt được tính đến 31/12/2021:

✓ Tổng số lao động 24 CBCNV, tỷ lệ lao động gián tiếp và trực tiếp tương ứng 6-18 tại 31/12/21.

✓ Trên 98% văn bản trao đổi nội bộ dưới dạng văn bản điện tử. Các văn bản đến, đi được cập nhật trên thư mục dùng chung phục vụ khai thác, quản lý dữ liệu. Lựa chọn xử lý công việc trên các nền tảng có tính an toàn và bảo mật cao: teams, outlook, onedrive,...

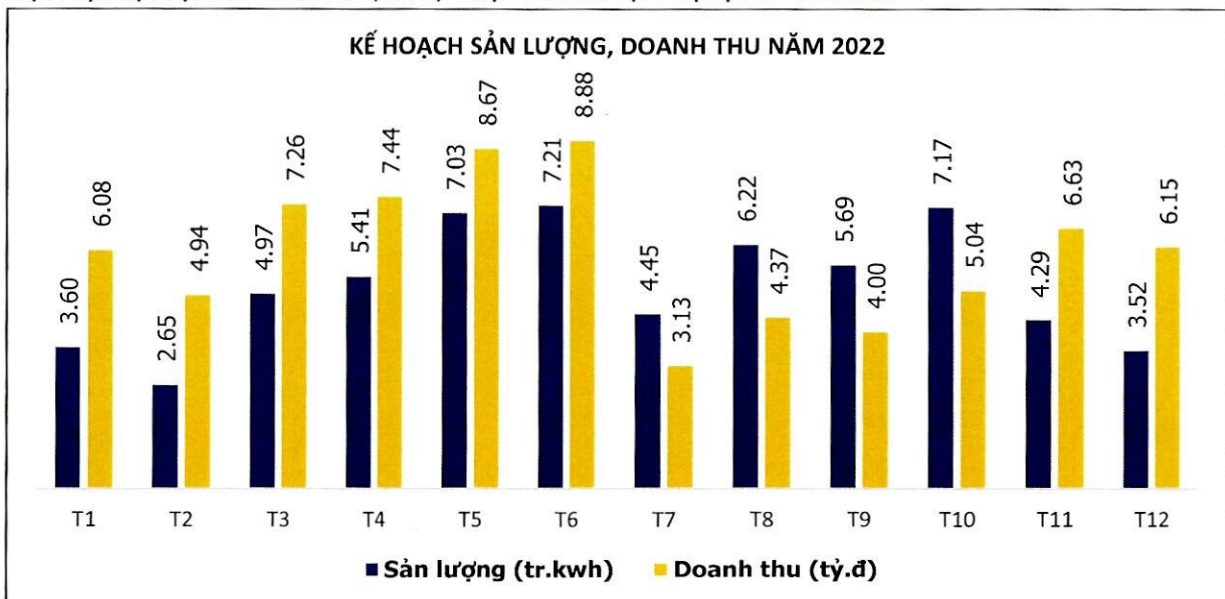
✓ Các chức danh kiêm nhiệm: Tổng giám đốc- 3 đơn vị, Kế toán trưởng-2 đơn vị, trưởng phòng KTKT-2 đơn vị, góp phần làm giảm đầu mối, số lượng lãnh đạo và đồng bộ phương thức quản lý.

✓ Tính đến 31/12/2021, trên 05 chương trình đào tạo các cấp quản lý, với quy mô toàn hệ thống VCP đã được triển khai thực hiện. Tỷ lệ tham gia đào tạo đạt 100%. Kiến thức quản lý hiện đại (mô hình quản trị chiến lược BSC, công cụ đo lường hiệu suất KPI,...) được trang bị và áp dụng thực tế trong công việc.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2022

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 được xây dựng trên căn cứ: Kế hoạch phát điện của Thủy điện Cửa Đạt và dự kiến lưu lượng nước về từ sông Đạt khoảng 100,92m³/s. Mức nước hồ Cửa Đạt hiện tại đạt cao trình 101,53m, được chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm.



2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH NĂM 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	+/-	TỶ LỆ
I	Sản lượng	kwh	61.877.529	62.201.619	324.090	0,5%
II	Doanh thu	tr.đ	73.333	72.744	(589)	-0,8%
III	Chi phí	tr.đ	57.914	58.119	205	0,4%
1	Chi phí sản xuất	tr.đ	27.516	29.785	2.269	8,2%
2	Chi phí quản lý	tr.đ	4.212	4.210	(2)	0,0%
3	Chi phí tài chính	tr.đ	26.186	24.124	(2.062)	-7,9%
IV	Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	15.419	14.625	(794)	-5,1%
V	Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	15.419	13.894	(1.525)	-9,9%
VI	Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	10	9-10		

Chỉ tiêu doanh thu: Năm 2022 giảm 589 triệu (0,5%) so với năm 2021, nguyên nhân: Năm 2021 ghi nhận bổ sung 529 triệu doanh thu bán CER (theo cơ chế phát triển sạch CDM).

Chỉ tiêu chi phí: Năm 2022 tăng 205 triệu (0,4%) so với năm 2021, do tăng/giảm tỉ trọng các chỉ tiêu chi phí, cụ thể:

- Chi phí sản xuất: Phát sinh hạng mục nạo vét lòng hồ (1,5 tỷ); phân bổ hạng mục gia cố thượng lưu (513 triệu); chi phí dầu máy diesel (204 triệu);...
- Chi phí tài chính: Giảm 2,06 tỷ lãi vay, do dự kiến trả nợ 21,46 tỷ gốc vay trong năm 2022.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Năm 2022 giảm 1,5 tỷ (9,9%) so với 2021, nguyên nhân:

- Tăng/giảm tỷ trọng doanh thu, chi phí trong kỳ, dẫn tới lợi nhuận trước thuế giảm 792 triệu.
- Hoạt động SXKD năm 2022 bắt đầu chịu thuế TNDN, mức thuế suất 10%, ưu đãi 50%. Thuế TNDN trong năm tạm tính 731,2 triệu.

Trên đây là báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và dự kiến Kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh. Ban Điều hành Công ty kính báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- VCP Holdings (b/c);
- Lưu TCKH.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Minh

PHỤ LỤC 01

Kế hoạch phát điện nhà máy thủy điện Xuân Minh năm 2022

Tháng	Sản lượng kế hoạch (1000 kWh)	Tích 5h cao điểm phát đạt công suất từ 13,8-14MW	
		Giá bq (đ/kWh)	Doanh thu (1000 đ)
Tháng 1	3.602	1.688	6.080.520
Tháng 2	2.652	1.862	4.939.018
Tháng 3	4.968	1.461	7.258.020
Tháng 4	5.406	1.376	7.440.521
Tháng 5	7.027	1.233	8.667.883
Tháng 6	7.214	1.231	8.878.361
Tháng 7	4.454	703	3.132.631
Tháng 8	6.215	703	4.371.376
Tháng 9	5.686	703	3.999.469
Tháng 10	7.166	703	5.039.902
Tháng 11	4.292	1.545	6.632.157
Tháng 12	3.519	1.749	6.153.753
Tổng cộng	62.202	1.167	72.593.612

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty")
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Việt Nam (AVA)
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2021.

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 03 thành viên:

- | | |
|----------------------|--------------|
| - Bà Đinh Thị Hạnh | - Trưởng Ban |
| - Ông Trần Xuân Ninh | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Hồ Ngọc | - Thành viên |

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 kết quả hoạt động năm 2021, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2021

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Miễn nhiệm 02 thành viên Ban Kiểm soát đối với Ông Nguyễn Văn Bình; Bà Phan Thu Hương và bầu bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát là Bà Đinh Thị Hạnh và Ông Nguyễn Hồ Ngọc.
2. Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.
3. Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp.
4. Tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty tại các cuộc họp.
5. Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể.

6. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
7. Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
8. Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
9. Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm và cả năm 2021, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.
10. Ban kiểm soát tham gia các ý kiến đóng góp cho công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
11. Một số hoạt động khác theo phân công nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban TGD để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động của Công ty năm 2021:

1. Tổng quan về bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty tại ngày 31/12/2021

Tổng số nhân viên của công ty tại ngày 31/12/2021 là 24 lao động (ngày 31/12/2020 là 27 lao động). Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty là công ty con của Công Ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp và ban hành Nghị quyết theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Bầu các chức danh trong Hội đồng quản trị và Bổ nhiệm các chức danh quản lý cấp cao, sắp xếp cơ cấu tổ chức Công ty để hoàn thiện bộ máy hoạt động.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
- Thông qua các Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế Người đại diện vốn, Quy chế lương và tiền thưởng.
- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Việt Nam AVA (AVA là đơn vị kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông).
- Phê duyệt các hoạt động khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư kịp thời, thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật.

3. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ công việc được giao nêu trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được kết quả như sau:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng (Kwh)	68.745.455	61.877.529	90,01%
	Mùa mưa	27.320.223	22.016.119	80,59%
	Mùa khô	41.425.232	39.861.410	96,22%
2	Doanh thu (VNĐ)	78.182.577.987	73.333.150.558	93,80%
	Trong đó: DT bán điện	77.987.952.667	72.640.103.246	93,14%
	DT khác và Thu nhập khác	194.625.320	693.047.312	356,09%
3	Tổng Chi phí	57.511.122.667	57.914.176.278	100,70%
	Chi phí sản xuất	27.757.695.011	27.516.217.901	99,13%
	Chi phí quản lý	4.896.163.618	4.211.641.897	86,02%
	Chi phí tài chính	24.857.264.038	26.186.316.480	105,35%
4	Lợi nhuận trước thuế	20.671.455.320	15.418.974.280	74,59%
5	Thuế TNDN	-		
6	LN sau thuế	20.671.455.320	15.418.974.280	74,59%
7	Tỷ lệ cổ tức (%)		5%	

Đánh giá:

Năm 2021 do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 dẫn đến kinh tế thế giới suy giảm nghiêm trọng dẫn đến nền kinh tế trong nước cũng bị ảnh hưởng và tăng chậm lại. Bên cạnh đó sự tăng trưởng mạnh của nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời dẫn đến huy động thấp các nguồn thủy điện cũng chịu ảnh hưởng lớn. Ban TGD đã thực hiện nhiều giải pháp để thực hiện kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đã được kết quả tích cực.

Tổng sản lượng điện năm 2021 đạt: 61,8 triệu Kwh bằng 90% so với kế hoạch, trong đó sản lượng điện mùa khô đạt 39,8 triệu Kwh bằng 96,22% so với kế hoạch. Nguyên nhân dẫn đến việc sản lượng không đạt kế hoạch đặt ra là do đại dịch Covid-19 đã gây ra sự đình trệ trong sản xuất, nguồn cung của hệ thống điện quốc gia lại tăng đáng kể do các dự án năng lượng tái tạo đưa vào vận hành trong năm 2021. Mặt khác điều kiện thủy văn không thuận lợi lưu lượng nước về các hồ trong hệ thống thấp hơn mực nước tối thiểu quy định, các nhà máy đều phải hạn chế phát điện và chủ yếu chào giá bám sát Qc được phân bổ.

Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2021
A	Hệ số thanh toán		
1	Hệ số thanh toán hiện hành = Tổng tài sản/Nợ phải trả	Lần	1,59

2	Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản NH/Nợ NH	Lần	0,45
B	Hệ số cơ cấu nguồn vốn		
1	Cơ cấu Tài sản NH = Tài sản NH/Tổng Tài sản	%	3,36%
2	Cơ cấu vốn nợ = Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	1,70
C	Hệ số khả năng sinh lời		
1	Tỷ suất LNST/Tổng TS (ROA)	%	3,45%
2	Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	%	9,32%

(Căn cứ Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán năm 2021)

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là 0,45 lần cho thấy 1đ nợ ngắn hạn được tài trợ đảm bảo bởi 0,45đ tài sản ngắn hạn doanh nghiệp có thể khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021

Báo cáo tài chính năm 2021 được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định Việt Nam (AVA) kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2021 mà Hội đồng quản trị đề trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Công ty đã tuân thủ các quy định và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc hạch toán, chế độ báo cáo tài chính. Việc lập, luân chuyển chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, đầy đủ và đúng mẫu biểu theo chế độ kế toán hiện hành.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGD

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGD Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2021, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định đối với Công ty đại chúng lớn và Điều lệ Công ty.

III. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

Năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và tuân thủ các quy định của pháp luật.

Ban Kiểm soát nhận định trong năm 2021, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý trong đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành. Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, đầu tư cũng như ứng phó kịp thời những biến động của thị trường và điều kiện tự nhiên trong điều kiện khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Kiến nghị của Ban Kiểm soát.

- Ban TGD Công ty xem xét áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo ISO, chương trình 5S tại các Nhà máy.
- Sát sao hơn trong việc tổ chức, thực hiện kế hoạch phát điện hợp lý để khai thác tối ưu lượng nước về hồ và đặc biệt là vào mùa khô. Có phương án nạo vét lòng hồ, hạ lưu nhà máy, gia cố thượng lưu đảm bảo công tác sản xuất mùa mưa bão.
- Đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD như ứng dụng về quản lý, vận hành, giám sát kỹ thuật.
- Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cơ cấu lại các khoản vay (giảm tỷ trọng vay ngắn hạn, tăng trung và dài hạn). Thực hiện thêm các giải pháp để tăng nguồn lực tài chính bằng cách huy động vốn, tìm kiếm các nhà tài trợ vốn, tổ chức tín dụng có cơ chế tài trợ vốn phù hợp với lãi suất hấp dẫn nhằm tối thiểu hoá chi phí sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Khoản công nợ đối với Tổng thầu dự án của Nhà máy Thủy điện Xuân Minh (Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP) từ năm 2018 đến nay vẫn còn 187.500.000đ. Đề nghị Ban Giám đốc Công ty sớm tất toán khoản công nợ này.
- Trong năm ĐHCĐ đã có Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 20/4/2021 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 05/3/2020 về chia cổ tức. Tính đến ngày 31/12/2021 vẫn còn dư phải trả về cổ tức 91.461.200đ, đề nghị Công ty tiếp tục thanh toán số cổ tức còn nợ cho cổ đông Công ty.

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2022 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Nhiệm vụ chung:

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2022, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kì theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2022:

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia quản lý vốn góp, hiệu quả vốn góp vào các công ty con của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về chi trả cổ tức năm 2022.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh năm 2021; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT,
- Lưu VP Cty+BKS

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
XUÂN MINH
Đinh Thị Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021
đã được kiểm toán**



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4-5
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-25

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	
Ông: Phạm Bảo Long	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/04/2021
Ông: Trịnh Nguyên Khánh	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 20/04/2021
Ông: Đỗ Vương Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2021
Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	
Bà: Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2021
Bà: Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 20/04/2021
Ông: Phạm Văn Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 20/04/2021
Ông: Lê Văn Thủy	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 20/04/2021

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Phạm Quang Minh	Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Ông: Nguyễn Văn Bình	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20/04/2021
Bà: Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 20/04/2021
Bà: Phan Thu Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/04/2021
Ông: Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 20/04/2021
Ông: Trần Xuân Ninh	Thành viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Công ty được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam chấp thuận được kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022 theo Quyết định số 772/QĐ-UBCK ngày 19/11/2021.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2022

T.M. Ban Tổng Giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
XUÂN MINH
H. THƯỜNG XUÂN T. THANH HÓA
Phạm Quang Minh

Số: 124/BCKT/TC/NV6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được lập ngày 21/01/2022 từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRẦN TRÍ DŨNG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0895-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

LÊ THÙY DƯƠNG

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3642-2021-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.996.783.489	20.461.628.078
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.299.489.709	1.248.502.918
1. Tiền	111	V.01	1.299.489.709	1.248.502.918
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		800.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	800.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.655.409.931	18.556.384.851
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	10.026.733.513	14.389.202.414
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	-	60.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.628.676.418	4.107.182.437
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.208.321.740	656.740.309
1. Hàng tồn kho	141	V.06	1.208.321.740	656.740.309
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.562.109	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	33.562.109	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		431.854.098.075	449.153.242.878
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		423.928.909.101	443.305.909.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	403.360.314.538	422.272.488.195
- Nguyên giá	222		463.932.976.883	463.932.976.883
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(60.572.662.345)	(41.660.488.688)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	20.568.594.563	21.033.421.558
- Nguyên giá	228		21.818.442.843	21.818.442.843
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.249.848.280)	(785.021.285)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.925.188.974	5.847.333.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	7.925.188.974	5.847.333.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		446.850.881.564	469.614.870.956

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại
thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân,
tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		281.431.907.284	311.322.359.318
I. Nợ ngắn hạn	310		33.562.606.694	73.771.053.767
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	338.750.000	11.836.620.255
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	627.332.826	830.224.370
3. Phải trả người lao động	314		-	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	479.753.847	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	938.907.671	10.460.849.855
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	31.177.704.466	50.640.519.041
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		157.884	2.840.246
II. Nợ dài hạn	330		247.869.300.590	237.551.305.551
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	247.869.300.590	237.551.305.551
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.418.974.280	158.292.511.638
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	165.418.974.280	158.292.511.638
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		15.418.974.280	8.292.511.638
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		15.418.974.280	8.292.511.638
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		446.850.881.564	469.614.870.956

Người lập biểu


Đỗ Thị Hồng Ngát

Kế toán trưởng


Đinh Thùy Lâm

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2022



Tổng Giám đốc

Phạm Quang Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	73.316.328.410	65.711.062.797
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		73.316.328.410	65.711.062.797
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	27.516.217.901	26.937.369.861
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.800.110.509	38.773.692.936
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	16.822.148	40.040.917
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	26.186.316.480	26.108.370.169
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.186.316.480	26.108.370.169
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	4.211.641.897	4.412.852.046
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.418.974.280	8.292.511.638
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.418.974.280	8.292.511.638
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		15.418.974.280	8.292.511.638
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	1.028	553
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.07	1.028	553

Người lập biểu



Đỗ Thị Hồng Ngát

Kế toán trưởng



Đinh Thùy Lâm

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	15.418.974.280	8.292.511.638
2. Điều chỉnh cho các khoản		45.546.494.984	45.399.180.452
+ Khấu hao tài sản cố định	02	19.377.000.652	19.330.851.200
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(16.822.148)	(40.040.917)
+ Chi phí lãi vay	06	26.186.316.480	26.108.370.169
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	60.965.469.264	53.691.692.090
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	6.900.974.920	(15.695.630)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(551.581.431)	(656.740.309)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(12.077.684.092)	(325.360.040)
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.077.855.849)	354.175.466
- Tiền lãi vay đã trả	14	(25.706.562.633)	(26.108.370.169)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(795.194.000)	(687.359.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.657.566.179	26.252.341.646
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(2.808.676.673)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(800.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.822.148	40.040.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(783.177.852)	(2.768.635.756)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	73.359.978.691	23.766.528.249
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(82.504.798.227)	(40.396.238.792)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.678.582.000)	(8.729.956.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.823.401.536)	(25.359.667.343)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	50.986.791	(1.875.961.453)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.248.502.918	3.124.464.371
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.299.489.709	1.248.502.918

Người lập biểu


Đỗ Thị Hồng Ngát

Kế toán trưởng


Đinh Thùy Lâm

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2022

 Tổng Giám đốc
 Phạm Quang Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 03/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 20/03/2020.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam) tương đương 15.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại: Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, tư vấn xây lắp công trình điện, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện.
- Sản xuất vật liệu xây dựng.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Sửa chữa máy móc thiết bị.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Xây dựng nhà các loại.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4. Tổng số nhân viên

Tại ngày 31/12/2021, tổng số nhân viên là 24 người (tại ngày 31/12/2020, tổng số nhân viên là 27 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và đến vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

4. Nguyên tắc kế toán phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:
 - Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d. Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Theo giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án: 1661326561, chứng nhận lần đầu ngày 04/08/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư Dự án thủy điện Xuân Minh, thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo, đầu tư tại huyện Thường Xuân là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 2, điều 15 Luật Đầu tư năm 2014: Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư này.

Dự án bắt đầu đi vào hoạt động năm 2018, năm 2021 là năm thứ 4 năm cuối cùng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn
Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh
Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	209.221.915	810.273.999
Tiền gửi ngân hàng	1.090.267.794	438.228.919
Cộng	1.299.489.709	1.248.502.918

2 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	800.000.000	-
Cộng	800.000.000	-

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Vietcombank - CN Hà Thành, lãi suất là 3,7%/năm, phương thức trả lãi cuối kỳ, lãi nhập gốc. Khoản tiền gửi đang dùng làm khoản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Vietcombank - CN Hà Thành.

3 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
a) Phải thu khách hàng	10.026.733.513	14.389.202.414
Công ty Điện lực Thanh Hóa - Điện lực Thường Xuân	16.713.312	17.691.520
Tổng công ty điện lực miền Bắc	7.854.034.010	9.640.638.086
Tổng cục năng lượng - Bộ Công Thương	2.155.986.191	4.730.872.808
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	10.026.733.513	14.389.202.414

4 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
a) Trả trước cho người bán	-	60.000.000
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	-	60.000.000
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	-	60.000.000

5 . Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	1.628.676.418	-	4.107.182.437	-
Tạm ứng	1.248.000.000	-	3.078.569.937	-
Phải thu khác	380.676.418	-	1.028.612.500	-
- Thù lao HĐQT, BKS	270.000.000	-	-	-
- Dự lãi phải thu	13.461.918	-	-	-
- Phải thu Phí cấp quyền khai thác Tài nguyên nước	-	-	796.148.000	-
- Khác	97.214.500	-	232.464.500	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.628.676.418	-	4.107.182.437	-

6 . Hàng Tồn Kho	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	1.199.249.740	-	642.550.309	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	9.072.000	-	14.190.000	-
Cộng	1.208.321.740	-	656.740.309	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

7 . Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
a, Dài hạn	7.925.188.974	5.847.333.125
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, thuê đất	4.834.688.498	4.945.406.559
Chi phí trả trước dài hạn khác chờ phân bổ	3.090.500.476	901.926.566
	7.925.188.974	5.847.333.125

8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	-	463.932.976.883
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	250.909.211.464	211.823.946.328	1.199.819.091	-	463.932.976.883
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	16.942.580.209	24.043.010.236	674.898.243	-	41.660.488.688
Số tăng trong kỳ	7.654.889.370	11.107.306.900	149.977.387	-	18.912.173.657
- Khấu hao trong kỳ	7.654.889.370	11.107.306.900	149.977.387	-	18.912.173.657
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	24.597.469.579	35.150.317.136	824.875.630	-	60.572.662.345
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	233.966.631.255	187.780.936.092	524.920.848	-	422.272.488.195
Tại ngày cuối kỳ	226.311.741.885	176.673.629.192	374.943.461	-	403.360.314.538

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 403.360.314.537 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	TSCĐ vô hình	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	21.818.442.843	21.818.442.843
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	21.818.442.843	21.818.442.843
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	785.021.285	785.021.285
Số tăng trong kỳ	464.826.995	464.826.995
- Khấu hao trong kỳ	464.826.995	464.826.995
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1.249.848.280	1.249.848.280
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	21.033.421.558	21.033.421.558
Tại ngày cuối kỳ	20.568.594.563	20.568.594.563

(*) Tài sản cố định vô hình gồm:

- Nguyên giá 20.102.996.170 đồng là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại sau khi bù trừ tiền thuê đất được ghi nhận là TSCĐ vô hình theo công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa về việc chính sách thuế đối với tiền thuê đất và chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Nguyên giá 1.715.446.673 đồng là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, Thanh Hóa theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, thị trấn Thường Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN XUÂN MINH

Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn
Trung Chính, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh
Hóa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

10 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	5.297.762.968	5.297.762.968
Công ty TNHH Thiên Phát - Thiên Tân	-	-	5.297.762.968	5.297.762.968
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	338.750.000	-	6.538.857.287	6.538.857.287
Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	187.500.000	-	6.181.357.287	6.181.357.287
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	151.250.000	-	357.500.000	357.500.000
Cộng	338.750.000	-	11.836.620.255	11.836.620.255

11 . Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

	01/01/2021		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	799.035.550	8.254.608.267	8.426.310.991	-	627.332.826
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Thuế TNCN	-	8.520.070	297.971.804	340.053.983	33.562.109	-
Thuế khác	-	22.668.750	2.892.750	25.561.500	-	-
Cộng	-	830.224.370	8.555.472.821	8.791.926.474	33.562.109	627.332.826

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí lãi vay phải trả	479.753.847	-
Cộng	479.753.847	-

13 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	-	-
Phải trả cổ tức (*)	91.461.200	9.270.043.200
Phải trả ngắn hạn khác	847.446.471	1.190.806.655
+ Phí dịch vụ môi trường rừng phải trả Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	475.981.632	650.435.076
+ Thuế Tài nguyên nước	351.464.839	540.371.579
+ Khác	20.000.000	-
Cộng	938.907.671	10.460.849.855

Trong đó**Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan**

	31/12/2021	01/01/2021
- Cổ tức của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	-	9.180.000.000
	-	9.180.000.000

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021 và Nghị Quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/03/2020

14 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2021
a. Vay ngắn hạn	6.844.721.674	32.568.688.131	51.800.494.706	26.076.528.249
Vay cá nhân (1)	4.215.000.000	23.696.650.820	45.558.179.069	26.076.528.249
Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP (2)	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Vietcombank chi nhánh Hà Thành (3)	2.629.721.674	6.372.037.311	3.742.315.637	-
b. Vay dài hạn đến hạn trả	24.332.982.792	24.101.974.792	24.332.982.792	24.563.990.792
Vay ngân hàng SHB - Chi nhánh Thăng Long (4)	24.332.982.792	24.101.974.792	24.332.982.792	24.563.990.792
c. Số có khả năng trả nợ	31.177.704.466			50.640.519.041
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31.177.704.466			50.640.519.041

(1) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, thời hạn đến 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cố định trong khoảng thời gian vay, lãi suất từ 9%/năm.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng số 01/2021/HĐTD-VCP-XM ngày 20/07/2021, thời hạn 03 tháng, không có tài sản đảm bảo, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất là 9%/năm.

(3) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 21/21912692-CVHM/0177 ngày 20/07/2021. Hạn mức cho vay là 8.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Cầm cố tài sản là Tiền gửi tiết kiệm theo hợp đồng cầm cố số 21/21912692-HĐCC/0177 ngày 20/07/2021.

(4) Xem chi tiết khoản vay dài hạn

15 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2021
a. Vay dài hạn	247.869.300.590	40.791.290.560	30.473.295.521	237.551.305.551
Vay ngân hàng SHB - Chi nhánh Thăng Long (1)	213.449.330.759	-	24.101.974.792	237.551.305.551
Vay cá nhân (2)	32.439.944.050	38.661.264.779	6.221.320.729	-
Công ty CP Cơ điện VCP	1.980.025.781	2.130.025.781	150.000.000	-
b. Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
c. Số có khả năng trả nợ	247.869.300.590	-	-	237.551.305.551
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	247.869.300.590	-	-	237.551.305.551

(1) Hợp đồng tín dụng số 016/2016/HĐTDTDH-PN/SHB.110600 ngày 18/01/2016. Số tiền vay 315.000.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ chi phí đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm Vat dự án). Thời hạn vay: 180 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản thuộc dự án Thủy điện Xuân Minh.

(2) Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, thời hạn trên 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất cố định trong khoảng thời gian vay, lãi suất 9%/năm.

(3) Khoản vay theo phụ lục hợp đồng số PL01-01/2021/HĐTD-XM, thời hạn vay từ 16/07/2021 đến hết ngày 16/01/2023 không có tài sản đảm bảo. Lãi suất 9%/năm.

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000		404.960.246	150.404.960.246
Tăng vốn năm trước	-	-	8.292.511.638	8.292.511.638
- Lãi năm trước	-	-	8.292.511.638	8.292.511.638
Giảm vốn năm trước	-	-	404.960.246	404.960.246
- Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	-	-	404.960.246	404.960.246
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	-	8.292.511.638	158.292.511.638
Tăng vốn trong kỳ	-	-	15.418.974.280	15.418.974.280
- Lãi kỳ này	-	-	15.418.974.280	15.418.974.280
- Tăng vốn	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	8.292.511.638	8.292.511.638
- Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	-	-	792.511.638	792.511.638
- Phân phối lợi nhuận	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	-	15.418.974.280	165.418.974.280

16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	31/12/2021
Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP	76.500.000.000	76.500.000.000
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	7.500.000.000	7.500.000.000
Cổ đông cá nhân	66.000.000.000	66.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

16.3. Các giao dịch về vốn với các CSH

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000

16.4. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thủy điện	72.640.103.246	63.227.397.103
- Doanh thu điện áp mái	146.745.360	-
- Doanh thu chuyển nhượng quyền phát thải CERS	529.479.804	2.483.665.694
Cộng	73.316.328.410	65.711.062.797
2 . Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn kinh doanh thủy điện	27.334.012.901	26.937.369.861
- Giá vốn kinh doanh điện áp mái	182.205.000	-
Cộng	27.516.217.901	26.937.369.861
3 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.822.148	40.040.917
Cộng	16.822.148	40.040.917
4 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	26.186.316.480	26.108.370.169
Cộng	26.186.316.480	26.108.370.169
5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.315.938.208	3.140.776.445
- Khấu hao Tài sản cố định	149.977.388	149.977.388
- Chi phí vật liệu, nhiên liệu, đồ dùng	117.200.570	159.324.013
- Thuế, phí và lệ phí	64.375.722	65.012.383
- Chi phí mua ngoài bằng tiền	502.944.739	857.576.140
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	61.205.270	40.185.677
Cộng	4.211.641.897	4.412.852.046
6 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
a. Lợi nhuận trước thuế	15.418.974.280	8.292.511.638
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	0	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	15.418.974.280	8.292.511.638
- Thu nhập được miễn thuế (*)	15.418.974.280	8.292.511.638
- Thu nhập không được ưu đãi	-	-
d. Thuế TNDN = {(c)*thuế suất thuế TNDN}	0	-

(*) Theo giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án: 1661326561, chứng nhận lần đầu ngày 04/08/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư Dự án thủy điện Xuân Minh, thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo, đầu tư tại huyện Thường Xuân là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 2, điều 15 Luật Đầu tư năm 2014: Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư này.

Dự án bắt đầu đi vào hoạt động năm 2018, năm 2021 là năm thứ 4 năm cuối cùng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

7 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.418.974.280	8.292.511.638
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.418.974.280	8.292.511.638
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	-	-
+ Khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận/lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.418.974.280	8.292.511.638
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.028	553
- Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm kỳ sau (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông sau phát hành thêm	15.000.000	15.000.000
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.028	553

(*) Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu.

8 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	560.351.369	603.718.070
Chi phí nhân công	6.982.750.664	6.968.937.109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.377.000.652	19.330.851.200
Thuế, phí và lệ phí	64.375.722	65.095.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.498.390.821	4.206.692.523
Chi phí khác bằng tiền	244.990.570	174.927.912
Cộng	31.727.859.798	31.350.221.907

VI NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	Công ty mẹ
Công ty CP Thép và vật tư công nghiệp	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Cùng công ty mẹ

3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Giá trị giao dịch (đồng)
a, Mua hàng hoá dịch vụ		
1	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	819.500.000
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	946.350.000
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	60.000.000
b, Thanh toán tiền mua hàng hoá dịch vụ		
1	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	1.025.750.000
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	6.940.207.287
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	60.000.000
c, Chi trả tiền cổ tức 2019		
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	9.180.000.000
d, Chia cổ tức năm 2020		
1	Công ty CP Thép và vật tư công nghiệp	375.000.000
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	3.825.000.000
e, Đi vay		
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	2.500.000.000
2	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	2.130.025.781
f, Trả gốc vay		
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	2.500.000.000
2	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	150.000.000

3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

TT	Các bên liên quan	Giá trị
a, Phải trả người bán		
1	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	151.250.000
2	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Năng lượng VCP	187.500.000
b, Vay dài hạn		
1	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	1.980.025.781

3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2021:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	278.000.000
2	Ban Tổng Giám đốc	705.860.000
Cộng		983.860.000

4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Tại 31/12/2021, tài sản ngắn hạn của Công ty đang thấp hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 18.565.823.205 VNĐ (tại 31/12/2020 là 53.309.425.689 VNĐ) dẫn đến quan ngại về khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh toán của Công ty trong 12 tháng tới phụ thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ cũng như khả năng huy động từ các tổ chức tín dụng. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên. Công ty vẫn bảo đảm trả các khoản nợ vay đến hạn theo đúng lịch trả nợ, chưa có tình trạng chậm trả các khoản nợ đến hạn. Ban Tổng Giám đốc đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền để đảm bảo nguồn tiền thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn và tin tưởng rằng báo cáo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

7 . Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh được Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 21/01/2022.

Người lập biểu

Đỗ Thị Hồng Ngát

Kế toán trưởng

Đinh Thùy Lâm

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc

**Phạm Quang Minh**

Số: 01/2022/TT-TCTC

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và dự kiến năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam phát hành ngày 27/01/2022.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến năm 2022 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

- | | | |
|---|---|---------------------|
| 1. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | : | 15.418.974.280 đồng |
| 2. Dự kiến phân phối: | | |
| 2.1. Chia cổ tức 10% | : | 15.000.000.000 đồng |
| 2.2. Chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 | : | 278.000.000 đồng |
| 2.3. Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | : | 140.974.280 đồng |

II. Phương án chi trả cổ tức năm 2021

- | | | |
|----------------------------|---|---------------------|
| 1. Tổng số tiền trả cổ tức | : | 15.000.000.000 đồng |
| 2. Hình thức trả | : | Bằng tiền |
| 3. Thời gian chi trả | : | Từ 01/10/2022 |

III. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

- Cổ tức tối thiểu 9%.
- Trích các quỹ: Tỷ lệ cụ thể được trích lập trên cơ sở thực tế kết quả SXKD năm 2022.
- Chi trả thù lao HĐQT, BKS theo phương án được phê duyệt.
- Thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành và cán bộ quản lý tối đa 10% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Trịnh Nguyên Khánh

Số: 01/2022/TT-TCTC

Thanh Hoá, ngày 08 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Phụ cấp định kỳ		
			Mức phụ cấp/ người/tháng	Số tháng	Thành tiền
1	HĐQT	5			252.000.000
	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000
	Thành viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000
2	Ban kiểm soát	3			84.000.000
	Trưởng BKS	1	3.000.000	12	36.000.000
	Thành viên BKS	2	2.000.000	12	48.000.000
	Cộng				336.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCTC.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**CHỦ TỊCH****Trịnh Nguyên Khánh**

Số: 01/2022/TT-BKS

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh;
- Căn cứ Kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2022, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích cho các cổ đông, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2022.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn bổ nhiệm Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 cho Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận :

- Như kính gửi ;
- HĐQT;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đinh Thị Hạnh